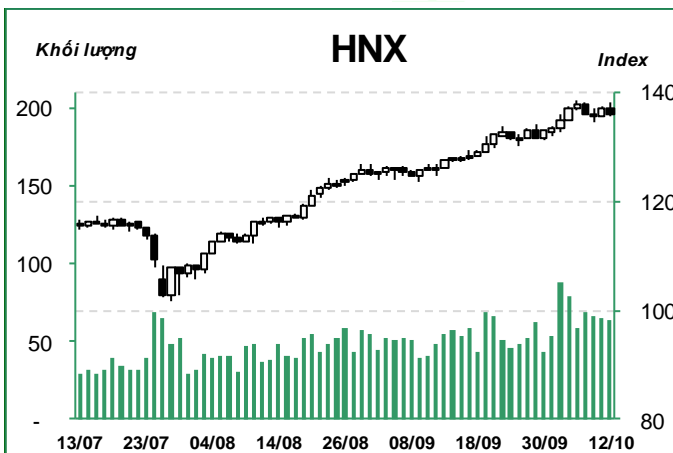
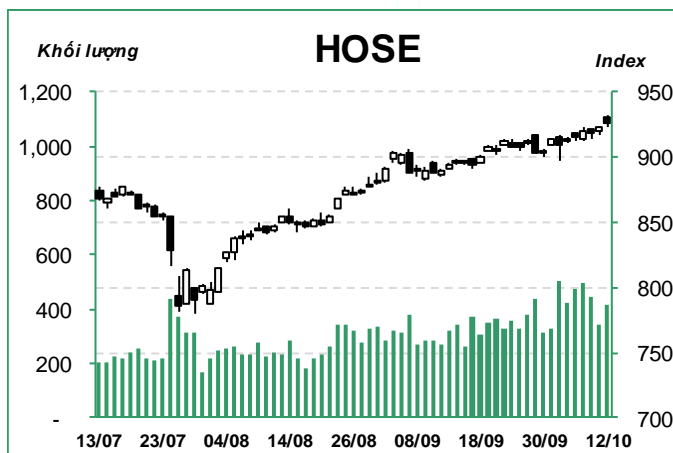


Tổng quan thị trường

12/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	925.83	0.20%	874.90	0.04%	135.90	-0.74%
Cuối tuần trước	924.00	0.20%	874.53	0.04%	136.91	-0.74%
Trung bình 20 ngày	912.29	1.48%	858.65	1.89%	133.74	1.62%
Tổng KLGD (triệu cp)	457.23	17.80%	143.89	14.42%	74.50	-29.66%
KLGD khớp lệnh	414.16	20.47%	130.26	12.56%	64.21	-1.27%
Trung bình 20 ngày	387.17	6.97%	117.94	10.44%	60.30	6.48%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	9,004.38	35.51%	4,290.37	34.10%	985.12	-41.32%
GTGD khớp lệnh	7,696.37	33.01%	3,831.86	31.45%	780.53	13.15%
Trung bình 20 ngày	6,473.23	18.90%	3,007.74	27.40%	750.06	4.06%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	127	27%	12	40%	64	18%
Số mã giảm	295	62%	16	53%	90	25%
Số mã đứng giá	52	11%	2	7%	201	57%



Thị trường có phiên giao dịch đầu tuần không thực sự tích cực dù đã đầu phiên tăng điểm khá tốt. Thông tin về việc được phép tăng vốn của các ngân hàng thương mại nhà nước công bố cuối tuần qua đã tác động mạnh mẽ đến nhóm cổ phiếu ngân hàng ngay từ lúc mở cửa. Tuy nhiên, áp lực bán nhanh chóng lan tỏa sau đó khiến đà tăng của các chỉ số bị thu hẹp trong phiên chiều. Thậm chí HNX-Index còn đóng cửa trong sắc đỏ.

Trên sàn HoSE, mặc dù đã có lúc vượt ngưỡng 930 điểm, VN-Index đã đảo chiều trở lại và đóng cửa chỉ còn tăng hơn 1 điểm tại mức 925.83 điểm (+0.20%). Thanh khoản bất ngờ tăng mạnh với 7,696 tỷ đồng giá trị khớp lệnh (+33.0%), tương đương với 414.2 triệu cổ phiếu (+20.5%). Trong khi đó, độ rộng thị trường lại nghiêng hoàn toàn về bên bán với 295 mã giảm điểm so với 127 mã tăng.

Dẫn dắt cho đà tăng điểm của sàn HoSE hôm nay là nhóm ngân hàng, tâm điểm là các cổ phiếu ngân hàng thương mại nhà nước như Vietinbank-CTG (+5.2%), Vietcombank-VCB (+1.3%), BIDV-BID (+1.5%). Ngoài ra, Masan-MSN (+3.1%), Bảo Việt-BVH (+6.2%) cũng là những trụ cột tăng điểm tích cực. Ở chiều ngược lại, Sabeco-SAB (-2.5%), Vincom Retail-VRE (-2.0%) và Đầu tư Cầu đường CII-LGC (-6.9%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HoSE trong hôm nay, đạt giá trị 368.5 tỷ đồng (+1,140.4%). Trong đó, Vietinbank-CTG (-190.8 tỷ), Masan-MSN (-89.0 tỷ), Vincom Retail-VRE (-25.0 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, những cổ phiếu được khối này mua ròng nhiều là Hòa Phát-HPG (+32.8 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (+13.7 tỷ) và Vietcombank-VCB (+12.2 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VHC	4,400.0	185.42
PDR	4,216.8	158.69
CTG	5,100.0	142.80
MSN	1,422.0	102.28
HPG	2,000.0	55.60
NVL	845.0	51.53
TDM	1,630.0	38.12
EIB	2,020.0	37.04
TCB	1,494.0	34.06
TLH	7,228.8	28.19
HNX		
ACB	5,872.9	140.92
SHB	3,200.0	49.28
DNP	470.0	8.46
TIG	670.0	4.69
NTP	20.0	0.67
CEO	40.0	0.32
SJE	13.0	0.23

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đảo chiều giảm điểm từ cuối phiên sáng trước khi đóng cửa gần thấp nhất phiên tại mức 135.90 điểm (-0.74%). KLGĐ khớp lệnh đạt 64.2 triệu cổ phiếu (-1.3%), tương đương 780.5 tỷ đồng giá trị (+13.2%).

Diễn biến đảo chiều này của HNX-Index chịu ảnh hưởng chính bởi việc bán tháo các trụ cột của HNX-Index như Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.9%), Dầu khí PTSC-PVS (-3.5%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.6%), Vicostone-VCS (-0.9%). Trong khi đó, ở chiều tăng điểm, Bánh kẹo Bảo Ngọc-BNA (+30.0%) là cổ phiếu nổi bật nhất khi tăng trần trong phiên chào sàn. Ngoài ra, Bảo hiểm PVI-PVI (+0.7%), Thủy điện Nậm Mu-HJS (+6.9%), Công nghiệp Tung Kuang-TKU (+8.3%) cũng có mức tăng điểm khá tốt.

Về giao dịch của khối ngoại, khối này có phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 4.8 tỷ đồng (+861.8%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.8 tỷ), Dệt may TNG-TNG (-0.3 tỷ) và Sân Bay Cam Ranh-CIA (-0.2 tỷ). Trong khi đó, Nhựa Tiên Phong-NTP (+2.0 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.9 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.9 tỷ) đứng đầu ở chiều mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 đang ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên, cho thấy đã phục hồi đang mạnh dần lên, chỉ số có thể tiến lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phần tiêu cực hơn. Chỉ số có phiên giảm điểm trở lại và đóng cửa dưới MA5, cùng với RSI cắt xuống dưới vùng 70, cho thấy áp lực chốt lời đang tăng lên. Tuy nhiên, chỉ số vẫn nằm trên MA20 với chòm MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi. Do đó, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp rung lắc kỹ thuật với vùng hỗ trợ quanh 132.8 điểm (MA20) nhằm củng cố lại xu hướng chính. Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là phục hồi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TDP	25.4	0.6	19.8%
DAT	39.4	3.7	6.9%
VMD	26.3	7.7	6.9%
TIX	30.3	0.2	6.9%
CIG	2.0	6.5	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SFC	23.3	0.0	-7.0%
TTE	8.3	0.0	-7.0%
VAF	8.3	0.2	-7.0%
LGC	60.4	3.8	-6.9%
PGI	18.3	1.2	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	29.1	493.8	5.2%
MSN	70.2	399.3	3.1%
HPG	28.3	348.1	-0.9%
VHM	77.5	333.2	0.7%
TCB	21.2	304.6	-0.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	4.0	19,375.4	6.3%
STB	13.3	17,962.1	-1.9%
CTG	29.1	16,827.3	5.2%
HSG	15.8	15,016.4	0.6%
TCB	21.2	14,203.7	-0.7%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BNA	26.0	168.8	30.0%
PCE	9.9	0.1	10.0%
QHD	21.6	0.1	9.6%
BBS	11.6	2.3	9.4%
HEV	11.6	0.8	9.4%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.9	3,854.0	-10.0%
MCO	1.9	0.6	-9.5%
NHC	28.5	0.2	-9.5%
PMC	50.1	0.2	-9.2%
NBW	19.7	0.1	-8.4%

Top 5 giá trị

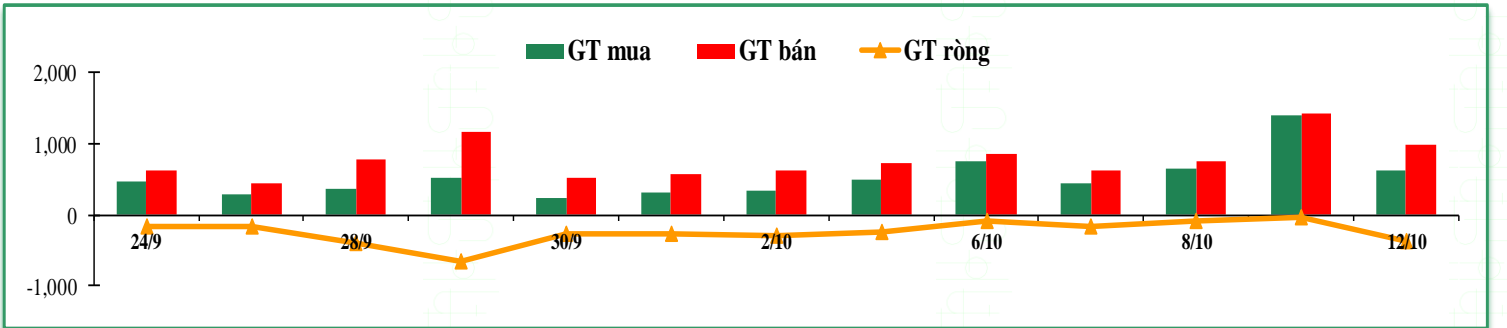
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.3	203.2	-0.9%
PVS	13.7	132.6	-3.5%
SHS	13.4	74.5	1.5%
SHB	15.5	45.3	-0.6%
TVC	10.2	31.5	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	13.7	9,497.4	-3.5%
ACB	23.3	8,648.1	-0.9%
HUT	2.6	6,350.2	-3.7%
SHS	13.4	5,534.6	1.5%
ACM	0.9	3,854.0	-10.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	486.4	6.3%	854.9	11.1%	-368.5
HNX	146.2	18.7%	141.4	18.1%	4.8
Tổng số	632.6		996.3		-363.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.3	62.0	-0.9%
CTG	29.1	39.3	5.2%
MSN	70.2	36.1	3.1%
SAB	188.1	35.8	-2.5%
TCB	21.2	32.0	-0.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	29.1	230.1	5.2%
MSN	70.2	125.1	3.1%
SAB	188.1	40.2	-2.5%
VHM	77.5	38.1	0.7%
VRE	27.1	35.6	-2.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.3	32.8	-0.9%
SSI	17.9	13.7	-0.8%
VCB	85.9	12.2	1.3%
DCM	12.0	11.7	-1.2%
GAS	75.0	9.4	0.9%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.3	140.8	-0.9%
NTP	32.8	2.0	0.3%
SHS	13.4	1.9	1.5%
PVS	13.7	0.9	-3.5%
IDC	24.0	0.9	-1.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.3	140.7	-0.9%
SHB	15.5	0.9	-0.6%
IDC	24.0	0.6	-1.2%
TNG	13.0	0.3	-2.3%
CIA	10.6	0.2	-3.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	32.8	2.0	0.3%
SHS	13.4	1.9	1.5%
PVS	13.7	0.9	-3.5%
AMV	17.3	0.5	-0.6%
IDV	52.7	0.4	-0.8%

Tin trong nước

Lợi nhuận 55 tập đoàn, tổng công ty nhà nước giảm rất sâu

Năm 2020, do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hầu hết các tập đoàn kinh tế, tổng công ty có thể không đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đã đề ra và đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Bộ trưởng cho biết, căn cứ báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 của 55 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thì tổng tài sản: Số liệu báo cáo hợp nhất năm 2019 là 2.669.966 tỷ đồng (Công ty mẹ là 1.862.059 tỷ đồng). Điều theo số liệu từ báo cáo hợp nhất, vốn chủ sở hữu năm 2019 là 1.247.187 tỷ đồng (Công ty mẹ là 1.095.700 tỷ đồng). Tổng doanh thu năm 2019 là 1.471.757 tỷ đồng (Công ty mẹ là 852.074 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 144.412 tỷ đồng (Công ty mẹ là 72.978 tỷ đồng). Số phát sinh phải nộp NSNN năm 2019 là 182.272 tỷ đồng (Công ty mẹ là 121.723 tỷ đồng).

Trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và dự toán ngân sách năm 2020 của 55 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước đã lập và gửi về Bộ Tài chính theo quy định thì sức khỏe của khối này đã suy giảm. Cũng điều theo số liệu báo cáo hợp nhất năm 2020, tổng doanh thu năm 2020 dự kiến đạt 1.327.496 tỷ đồng (Công ty mẹ dự kiến đạt 847.537 tỷ đồng). Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 dự kiến đạt 78.086 tỷ đồng (Công ty mẹ dự kiến đạt 74.940 tỷ đồng). Số này đã giảm đến gần một nửa so với năm trước. Các khoản phát sinh phải nộp NSNN năm 2020 dự kiến đạt 157.273 tỷ đồng (Công ty mẹ dự kiến đạt 95.508 tỷ đồng).

Tăng giá xăng và một số mặt hàng dầu từ 15h chiều nay

Liên Bộ Công Thương - Tài chính mới công bố điều chỉnh giá bán xăng dầu, thực hiện từ 15h00 chiều 12/10.

Theo đó, Liên Bộ quyết định điều chỉnh giá xăng E5RON92 tăng 53 đồng/lít so với giá hiện hành lên 14.268 đồng/lít; Xăng RON95-III tăng 138 đồng/lít so với giá hiện hành lên mức 15.122 đồng/lít.

Mặt hàng dầu diesel 0.05S giữ ổn định với giá hiện hành, không cao hơn 11.128 đồng/lít; Dầu hỏa tăng 145 đồng/lít so với giá hiện hành lên mức giá 9.594 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S tăng 95 đồng/kg so với giá hiện hành để có giá bán mới 10.921 đồng/kg.

VIB lãi trước thuế 9 tháng đạt 4.025 tỷ đồng, bằng cả năm 2019

Theo báo cáo, trong Quý 3 VIB đạt 1.668 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 30% so với Quý 2/2020 và tăng 52% so với Quý 3/2019. Lũy kế 9 tháng, Tổng doanh thu đạt 7.854 tỷ đồng, tăng 34%, lợi nhuận trước thuế đạt 4.025 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ đạt 1.637 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21% tổng doanh thu, tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu duy trì ở mức 40%. Chi phí dự phòng tăng 27% so với cùng kỳ năm trước. ROE bình quân đạt 28,9%, thuộc nhóm cao nhất ngành.

Tại ngày 30/9/2020, tổng tài sản của ngân hàng đạt trên 213 nghìn tỷ đồng, dư nợ tín dụng đạt trên 151 nghìn tỷ đồng, tăng 14,2% so với đầu năm, cao gần gấp 3 lần so với trung bình ngành.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Bảo hiểm BIDV chia cổ tức tiền mặt 8%

Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (HoSE: BIC) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 8% (1 cổ phiếu được nhận 800 đồng). Với hơn 117 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra gần 94 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 29/10 và thời gian thanh toán dự kiến 20/11.

Năm ngoái, Bảo hiểm BIDV ghi nhận lợi nhuận sau thuế hơn 211 tỷ đồng, tăng trưởng 59% và là mức lãi kỷ lục. Năm 2020, doanh nghiệp đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế giảm 11% còn 241 tỷ đồng. Kế hoạch cổ tức cho năm 2020 duy trì ở tỷ lệ 8%.

Theo báo cáo bán niên, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 156,6 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2019. Riêng lợi nhuận trước thuế là 193,2 tỷ đồng, tăng 30% và thực hiện được 80% kế hoạch năm.

Tập đoàn Viettel bán 6% vốn Viettel Post vào tháng 11, giá khởi điểm 104.800 đồng/cp

Theo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Tập đoàn Viettel tổ chức bán đấu giá 4,98 triệu cổ phiếu, tương đương 6% vốn Viettel Post. Giá khởi điểm 104.800 đồng/cp, tương đương thị giá cổ phiếu VTP. Theo đó, Tập đoàn Viettel dự kiến thu về tối thiểu 522 tỷ đồng từ bán vốn Viettel Post.

Nếu thoái vốn thành công, tập đoàn sẽ giảm sở hữu Viettel Post từ 66,81% xuống 60,81%; tỷ lệ thoái vốn thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của thị trường là 16,81%, giảm sở hữu xuống 50%. Thời gian tổ chức đấu giá vào 14h00 ngày 11/11.

Tại buổi gặp gỡ giới phân tích gần đây, lãnh đạo doanh nghiệp cho biết cổ đông lớn Viettel muốn thực hiện thoái vốn theo lộ trình, sau khi hạ tỷ lệ sở hữu xuống 60,81% thì sẽ cân nhắc có tiếp tục thoái vốn thêm hay không, mục tiêu cuối cùng là tạo nên giá trị lớn nhất.

Lãnh đạo Viettel Post tiết lộ 9 tháng đầu năm, doanh nghiệp ước lãi sau thuế thực hiện 62% kế hoạch năm và tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 307 tỷ đồng. Riêng quý III, lợi nhuận tăng 7% đạt 108 tỷ đồng.

Lãi công ty mẹ Cao su Phước Hòa giảm 56% trong quý III

Cao su Phước Hòa (HoSE: PHR) vừa công bố báo cáo tài chính công ty mẹ quý III với doanh thu giảm 10% còn 229 tỷ đồng và lợi nhuận gộp giảm hơn 36% còn 13 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính giảm phân nửa còn 28 tỷ đồng do giảm khoản thu cổ tức và lợi nhuận khác giảm mạnh 57% xuống 141 tỷ đồng do không còn thu nhập đột biến tiền đền bù đất dự án khu công nghiệp. Các biến động này khiến lợi nhuận sau thuế giảm đến 56% chỉ còn 140 tỷ đồng.

Tính lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần giảm 20% đạt gần 545 tỷ đồng. Tuy nhiên nhờ khoản thu nhập khác lớn 627 tỷ đồng giúp công ty có lãi 535 tỷ, tăng gần 25% so với cùng kỳ năm 2019.

Năm 2020, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tổng doanh thu công ty mẹ đạt 2.460 tỷ đồng, lãi trước thuế 1.148 tỷ đồng; lần lượt tăng 46% và 115% so với thực hiện 2019. Như vậy, Phước Hòa mới hoàn thành được 58% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MWG	Chốt lời	13/10/20	107.5	94.6	13.6%	112	18.4%	90	-4.9%	Tín hiệu suy yếu
2	KBC	Bán	29/09/20	14.35	14.3	0.3%	15.8	10.5%	13.8	-3.5%	Tín hiệu suy yếu
3	KSB	Bán	05/10/20	30.35	31.1	-2.4%	35	12.5%	29.8	-4.2%	Quay lại xu hướng điều chỉnh
4	BMP	Cắt lỗ	13/10/20	55.2	59	-6.4%	68.16	15.5%	56.16	-4.8%	Quay lại xu hướng điều chỉnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	BIC	Quan sát mua	13/10/20	20	22	Phiên bật tăng mạnh từ MA50 kèm vol cao và break trendline giảm ngắn hạn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 19.6-19.8
2	MML	Quan sát mua	13/10/20	44.1	47.5-49.5	Nền rút chân khi về vùng hỗ trợ EMA + các phiên điều chỉnh phía trước tích cực với vol thấp -> khả năng sớm tăng trở lại
3	PHR	Quan sát bán	13/10/20	56	54-54.5 48-48.5	Tín hiệu thủng MA50 cũng như cạnh dưới vùng sideway kèm vol lớn -> có thể cân nhắc chờ hồi phục về 56.5-56.7 để bán ra

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Nắm giữ	16/09/20	59.2	56.8	4.2%	68	19.7%	54.9	-3%	
2	VNM	Mua	21/09/20	107	103.6	3.3%	112.5	8.6%	101.6	-2%	
3	HPG	Mua	28/09/20	28.25	25.75	9.7%	30	17%	25	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	FPT	Mua	09/10/20	50.9	51.1	-0.4%	56	10%	50	-2%
5	BVH	Mua	12/10/20	52.9	49.8	6.2%	55	10%	48	-4%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 12/10/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,210	12.0 %	-21%	2,618	65	64,500	1	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,310	-1.1 %	55%	1,906	28	50,900	1,126	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,800	-1.6 %	20%	1,251	17	50,900	1,540	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,690	-1.2 %	0%	480	11	50,900	1,488	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,440	-1.4 %	-4%	23,953	94	50,900	730	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,250	-4.7 %	-9%	12,468	67	50,900	1,470	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHPG2008	4,100	6,960	-4.7 %	70%	33,800	49	28,250	719	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,990	-3.7 %	274%	30,602	17	28,250	2,891	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	8,840	-6.1 %	45%	18,980	98	28,250	2,280	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	10,630	-4.5 %	54%	3,411	50	28,250	4,349	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	9,890	-4.8 %	37%	1,078	189	28,250	3,211	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	9,400	-3.0 %	40%	421	140	28,250	2,694	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,030	-4.1 %	83%	30,295	94	28,250	770	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,500	-6.4 %	53%	42,828	67	28,250	2,143	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,440	-2.8 %	22%	810	28	17,550	36	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	700	14.8 %	-65%	318	14	17,550	(0)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,880	-1.6 %	71%	2,060	17	17,550	537	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2007	1,400	2,010	-0.5 %	44%	8,795	94	17,550	475	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	1,610	12.6 %	-30%	28,089	65	70,200	988	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	1,750	2.3 %	-17%	23,175	17	70,200	2,057	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	2,970	1.4 %	56%	29,191	94	70,200	2,928	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	3,500	11.5 %	129%	30,368	56	70,200	3,489	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	360	-30.8 %	-82%	3,723	14	107,500	6	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	21,900	-7.3 %	70%	4,387	49	107,500	20,853	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,270	-8.1 %	75%	6,857	15	107,500	2,261	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,950	-10.3 %	84%	5,673	11	107,500	3,197	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,820	-6.3 %	101%	44,895	94	107,500	2,614	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,700	-3.7 %	58%	3,780	67	107,500	4,197	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,180	-4.5 %	41%	9,583	119	107,500	5,660	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,800	0 %	-22%	101	65	62,500	16	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,180	-1.4 %	9%	1,085	149	62,500	788	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	130	-13.3 %	-94%	351	14	62,000	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	410	-18.0 %	-59%	30,453	17	62,000	209	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	880	-9.3 %	-12%	11,769	94	62,000	422	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,200	-8.3 %	32%	13,747	39	62,000	1,834	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,910	-8.2 %	-4%	12,959	119	62,000	2,506	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,420	0 %	142%	30	17	41,700	2,348	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	4,100	2.5 %	161%	265	11	41,700	4,076	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,620	0.8 %	102%	456	94	41,700	2,363	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	6.3 %	-83%	6,968	65	2,320	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	550	-9.8 %	-81%	1,946	65	16,200	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,200	-2.2 %	29%	16,330	65	13,300	1,486	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,540	-9.0 %	81%	17,375	49	13,300	2,345	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	850	-8.6 %	-21%	16,611	22	13,300	755	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,250	-5.3 %	-17%	4,963	175	13,300	608	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2008	1,500	3,250	-9.7 %	117%	18,262	39	13,300	3,133	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	2,900	-9.4 %	76%	6,510	67	13,300	2,461	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	190	-5.0 %	-91%	420	14	21,200	(0)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,090	-10.7 %	-64%	63,690	49	21,200	124	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,660	-4.1 %	38%	4,369	17	21,200	1,613	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,410	-3.4 %	-17%	127,814	94	21,200	785	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,410	-7.8 %	-18%	50,157	67	21,200	701	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	820	-3.5 %	-74%	432	65	77,500	0	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,370	8.7 %	-53%	20,035	49	77,500	1,824	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	860	4.9 %	-14%	43,774	17	77,500	760	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	820	5.1 %	-41%	122,889	94	77,500	226	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,970	2.6 %	-32%	17,714	119	77,500	1,036	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	160	45.5 %	-93%	2,456	65	105,000	(0)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	140	-6.7 %	-93%	16,084	17	105,000	(0)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,370	0 %	-32%	6,009	119	105,000	720	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	17,330	-1.7 %	-1%	2,714	49	107,000	10	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,900	-0.3 %	93%	2,724	17	107,000	415	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,530	-2.6 %	-36%	497	149	107,000	8	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,270	0 %	26%	3,714	94	107,000	105	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,730	0 %	51%	10,765	56	107,000	212	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,670	-0.4 %	0%	1,642	119	107,000	313	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,220	-10.3 %	-64%	46,455	49	23,400	270	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	750	-7.4 %	-56%	5,511	17	23,400	467	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,580	-3.1 %	-12%	15,670	94	23,400	942	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,070	3.5 %	27%	4,522	39	23,400	1,633	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	240	-4.0 %	-92%	6,490	65	27,100	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,640	-6.8 %	-59%	2,496	49	27,100	244	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,160	-0.9 %	5%	44,100	17	27,100	1,033	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2007	1,520	470	-6.0 %	-69%	123,307	175	27,100	79	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	950	-5.0 %	-21%	67,993	94	27,100	450	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
TCM (New)	HOSE	23,250	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,800	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,350	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV (New)	HOSE	20,100	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	10,850	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	63,200	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	26,500	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	47,300	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	64,500	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,600	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	85,900	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	49,700	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	56,000	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,100	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,350	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	107,500	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,500	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,200	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	120,700	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	70,200	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.